

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+P10+P6	7:25	15+7+0	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
2		P4+P2+PVD2	7:25	0+3+14	0+0+0		2+2+18	0+0+0	chuyen 2 P4-P2
3		PVD2+CTC1+BK10	9:25	12+8+2	0+0+0		8+7+0	0+0+0	Chuyen 5 CTC1-BK10
4		P9+RP2+PVD2	13:25	10+9+2	0+0+0		7+2+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ đi ve trong ngày PVD2-9 ng

2/ 3 ng TD2 về qua P9

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PVD2 - P10 - P6	CREW: VThắng - XTrường - QTrường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ BA CHI	PVD2					65	PVD.DD	Vietnamese
2	VĂN HOÀNG TÙNG	PVD2					80	PVD.DD	Vietnamese
3	YOSEP ARIANTO	PVD2	84	1	5		65	JIMMULY	Indonesian
4	MUCHAMAT ANUGRAH MUSLELAPUTRA	PVD2	86	1	5		90	PERTAMIN	Indonesian
5	JUFRIHADI	PVD2	85	1	5		65	PERTAMIN	Indonesian
6	TED SAMANTHA PELAWI	PVD2	87	1	5		102	PERTAMIN	Indonesian
7	ARIS KURNIAWAN	PVD2	88	1	5		85	PERTAMIN	Indonesian
8	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	PVD2	82	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN VIỆT	PVD2	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY TÚ	PVD2	79-80	2	15		74	PVD.DD	Vietnamese
11	ROBERT MCNAIR WALKER	PVD2	77-78	2	18		75	PVD.DD	British
12	CÁP VĂN SEN	PVD2	81,83	2	18		60	PVD.DD	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PVD2	90	1	5		80	PVD.DD	Vietnamese
14	VŨ VĂN QUYNH	PVD2	76	1	7		65	PVD	Vietnamese
15	LÊ NGỌC MANH	PVD2	91-92	2	18		68	PVD	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HAI	P10	27-28	2	10		80	NHA THAI	Vietnamese
17	VŨ TIẾN THANH	P10	33-34	2	10		70	NHA THAI	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN ANH	P10	29-30	2	12	50	75	DVL	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH ĐẠT	P10	31-32	2	12		65	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VIỆT LÝ	P10	36	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THẾ CÔNG	P10	37	1	10		65	PSV	Vietnamese
22	HÀ VĂN NIỆM	P10	35	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	17	116	1.114	0	8		
2	P10	7	11	69	485	50	10		
3	P6	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	28	185	1.599	50	22		
WEIGHT KG				185	1.599	50			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

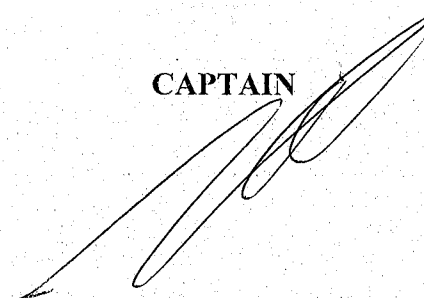
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2022	TO: P4 - P2 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Dương - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TIẾN	P2	23	1	6	40	60	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN QUANG LỘNG	P2	24-25	2	14	37	70	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DIỄN	P2	21-22	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CUÔNG	PVD2	02	1	10		65	PVD	Vietnamese
5	LÊ TRUNG KIẾN	PVD2	803	1	9		75	PVD	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HÒA	PVD2	01	1	5		71	PVD	Vietnamese
7	ĐAM QUANG THANH	PVD2	86	1	5		71	PVD	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD2	300	1	5		66	PVD	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LIÊM	PVD2	07	1	6		60	PVD	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NHÂN	PVD2	801	1	2		60	PVD	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THƯỜNG	PVD2	804	1	5		70	PVD	Vietnamese
12	ĐINH TIẾN HỮU	PVD2	806	1	5		66	PVD	Vietnamese
13	HOÀNG MINH PHÚC	PVD2	06	1	5		76	PVD	Vietnamese
14	TRẦN NAM THẮNG	PVD2	808	1	7		76	PVD	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÔNG HAI	PVD2	802	1	6		57	PVD	Vietnamese
16	ĐỖ MINH HẢI	PVD2	805	1	3		69	PVD	Vietnamese
17	DANG DINH PHUC	PVD2	807	1	5		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

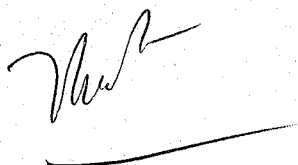
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	0	0	0	0	0	2	2	CHUYỂN 2 PAX TỪ P4 SANG P2
2	P2	3	5	35	190	77	2		
3	PVD2	14	14	78	972	0	18		
TOTAL		17	19	113	1.162	77	22		
WEIGHT KG				113	1.162	77			

GRAND TOTAL: 1.352 KGS

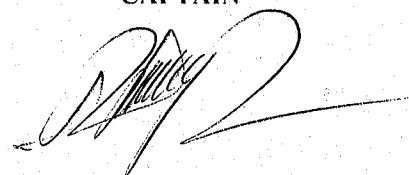
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: PVD2 - CTC1 - BK10	CREW: Tung - XTruong - Tung	ETA: 11:20
VANG-2			

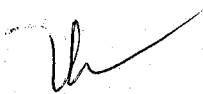
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN CHI	PVD2	97-98	2	10		65	PSV	Vietnamese
2	LÊ QUANG ĐẠO	PVD2	95	1	5		65	PSV	Vietnamese
3	LÊ CHIẾN THẮNG	PVD2	96	1	7		70	PSV	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGHĨA	PVD2	94	1	5		60	PSV	Vietnamese
5	HOANG CÔNG DŨNG	PVD2					65	PVD.DD	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG SON	PVD2	15-16	2	18		47	PVD TECH	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH TUẤN	PVD2	10-11	2	15		63	PVD TECH	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN DUY	PVD2	12-14	3	18		75	PVD TECH	Vietnamese
9	PHẠM TƯỜNG QUYẾT	PVD2	41-42	2	12		70	PVD TECH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NINH	PVD2	17,93	2	10		75	PVD TECH	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG THỊNH	PVD2	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN GIANG	CTC1	29	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CTC1	36	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HẢI THẮNG	CTC1	31	1	5		65	DVL	Vietnamese
15	DƯƠNG THE ĐỨC	CTC1	34	1	5		80	DVL	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN YẾN	CTC1	30	1	12	20	65	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC NINH	CTC1	32	1	12		75	DVL	Vietnamese
18	VŨ MẠNH NAM	CTC1	33	1	5		82	DVL	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN GIANG	CTC1	35	1	5		74	CO DIEN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK10	56	1	15	20	76	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẠO VĂN KHÔI	BK10	52-53	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

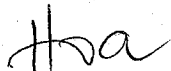
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	11	17	105	720	0	8		CHUYEN 5 PAX CTC1-BK10
2	CTC1	8	8	65	588	20	7+5		
3	BK10	2	3	33	141	20	0		
TOTAL		21	28	203	1.449	40	15		
WEIGHT KG				203	1.449	40			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

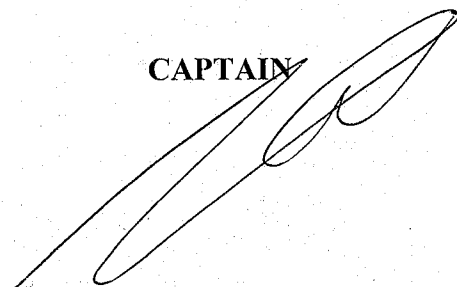
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: 4	TO: P9 - RP2 - PVD2	CREW: Phong - ĐNam - PTUẤN	ETA: 15:10
xanh-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ VĂN THOAI	P9	44	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG SY THAP	P9	48	1	4		88	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CHIEU	P9	47	1	10		67	PSV	Vietnamese
4	BUI TRUNG SON	P9	52	1	10		71	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN MINH HIEN	P9	51	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HOANG	P9	53-54	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO KINH THAO	P9	57-58	2	20	28	70	T-TIN	Vietnamese
8	PHAM HUY DINH	P9	55-56	2	15		65	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC MINH	P9	45-46	2	8		55	PSV	Vietnamese
10	BUI VAN THUAN	P9	49-50	2	18		74	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DONG	RP2	29	1	14		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUOC HUNG	RP2	30-31	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH HUU CAN	RP2	74	1	18		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG VU	RP2	38	1	17		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DANG NGUYEN	RP2	32	1	8		58	NAM TIEN	Vietnamese
16	VÔ VĂN HOA	RP2	33	1	4		60	NAM TIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUY	RP2	37	1	7	40	64	NAM TIEN	Vietnamese
18	BUI VAN DUA	RP2	34	1	8		78	NAM TIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG HAI NAM	RP2	35	1	14	7	63	NAM TIEN	Vietnamese
20	TRANG NGOC HUNG	PVD2	43	1	14		68	KHOAN	Vietnamese
21	BUI TUAN VU	PVD2	46	1	10		65	PVD	Vietnamese
22	HOANG KHAC DUNG	PVD2	44-45	2	10		60	PVD TECH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

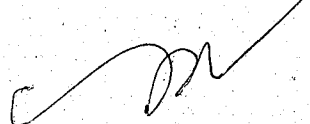
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	15	115	720	28	7		
2	RP2	9	10	108	620	47	2		
3	PVD2	3	4	34	193	0	13		
TOTAL		22	29	257	1.533	75	22		
WEIGHT KG				257	1.533	75			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

